

P H Ầ N

01

Giới thiệu về Hangeul

한글 소개

1. Bảng chữ cái tiếng Hàn – Hangeul (한글)

Trước khi Hangeul ra đời, người dân Hàn Quốc chưa có hệ thống chữ viết riêng, chủ yếu sử dụng tiếng Hán cho các văn bản. Tuy nhiên việc học tiếng Hán vô cùng khó khăn và mất rất nhiều năm học tập chăm chỉ mới có thể thông thạo nên người dân thường hầu như không thể sử dụng tiếng Hán cho sinh hoạt hàng ngày. Xuất phát từ ý thức cần phải có một hệ thống chữ viết để người dân có thể học và đọc một cách dễ dàng, năm 1443, vua Sejong cùng các học giả triều đại Joseon đã sáng tạo ra Hangeul – hệ thống chữ cái đầu tiên của Hàn Quốc.

Hangeul bao gồm phụ âm, nguyên âm và lấy nguyên lí kết hợp giữa phụ âm và nguyên âm để tạo thành các âm tiết có thể phát âm được. Với hệ thống chữ cái này, từ đây người Hàn Quốc có thể ghi lại tất cả các âm tiếng Hàn một cách đầy đủ và đơn giản.

2. Sự hình thành của Hangeul (한글 창제 원리)

1. Nguyên âm (모음)

Nguyên lý sáng tạo nguyên âm trong Hangeul dựa trên ba yếu tố: “*Thiên* (•)” (biểu trưng cho “bầu trời”), “*Địa* (_)” (biểu trưng cho “đất”), và “*Nhân* (|)” (biểu trưng cho “người”).



Bầu trời



Đất



Người

21 nguyên âm trong Hangeul được tạo thành bằng cách kết hợp giữa “*Thiên* (•)” với “*Nhân* (|)” hoặc “*Địa* (_)” tạo nên các nguyên âm đơn.

| + • ⇨ ㅏ

— + • ⇨ ㅑ

Những nguyên âm được tạo thành bằng cách kết hợp “*Thiên* (•)” với “*Nhân* (|)” được gọi là nguyên âm dọc.

ㅏ, ㅑ, ㅓ, ㅕ, ㅣ

Những nguyên âm được tạo thành bằng cách kết hợp “*Thiên* (•)” với “*Địa* (_)” được gọi là nguyên âm ngang.

ㅗ, ㅛ, ㅜ, ㅠ, ㅡ

Các nguyên âm đơn có thể kết hợp với nhau được tạo thành nguyên âm kép.

ㅘ, ㅙ, ㅚ, ㅝ, ㅞ

2. Phụ âm (자음)

Có tất cả 19 phụ âm trong tiếng Hàn trong đó các phụ âm cơ bản là ㄱ, ㅋ, ㆁ, ㆆ, ㅇ. Các phụ âm này được tạo nên bằng cách mô phỏng lại hình dạng của các cơ quan phát âm (lưỡi, môi, cổ họng).



Các phụ âm khác được tạo thành bằng cách thêm nét vào phụ âm cơ bản, và cơ quan phát âm những phụ âm này sẽ ở vị trí phát âm tương tự như phụ âm cơ bản. Ví dụ, viết thêm nét vào ㄴ ta sẽ được ㄷ, ㅌ và ㄴ.

3. Phụ âm cuối - Patchim (받침)

Giống như tiếng Việt, một âm tiết tiếng Hàn có thể gồm phụ âm đầu kết hợp với nguyên âm và phụ âm cuối, trong tiếng Hàn phụ âm cuối được gọi là Patchim (받침). Patchim đứng ở vị trí thấp nhất dưới phụ âm đầu và nguyên âm.

안 Patchim 받침

Chỉ có 7 âm cơ bản (ㄱ, ㅋ, ㆁ, ㆆ, ㆁ, ㅁ, ㅂ, ㅇ) ở vị trí phụ âm cuối có thể phát âm được nên các phụ âm khác khi đứng ở vị trí phụ âm cuối thì đều bị biến đổi cách phát âm thành một trong 7 âm đó.

Trong phụ âm cuối có những phụ âm đôi được tạo thành bởi sự kết hợp của hai phụ âm: **ㄴㅈ, ㄷㅌ, ㅂㅍ, ㄴㅇ...** Những phụ âm này tùy từng trường hợp được phát âm theo phụ âm trước hoặc theo phụ âm sau.

3. Cấu trúc một âm tiết (음절 구조)

Trong tiếng Hàn, một âm tiết được tạo thành bởi ít nhất một phụ âm và nguyên âm và được viết trong phạm vi một ô vuông. Phụ âm được viết trước nguyên âm, nếu có phụ âm cuối Patchim thì Patchim sẽ viết ở dưới phụ âm đầu và nguyên âm.

Cách viết âm tiết trong tiếng Hàn.

- Chỉ có nguyên âm (nguyên âm sẽ kết hợp với phụ âm câm ㅇ)

아 오 와

- Phụ âm kết hợp với nguyên âm

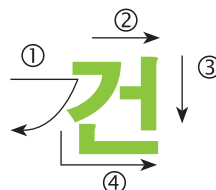
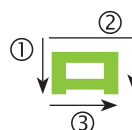
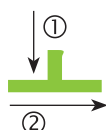
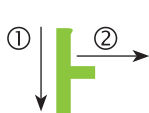
가 고 과

- Phụ âm kết hợp với nguyên âm, patchim

간 곤 박 관 갱

4. Quy tắc viết tiếng Hàn:

Có hai quy tắc cơ bản các bạn cần nhớ khi viết chữ tiếng Hàn, đó là: viết từ trên xuống dưới và viết từ trái sang phải. Trong tiếng Hàn âm tiết được viết trong phạm vi một ô vuông, phụ âm đầu được viết trước rồi viết nguyên âm, patchim được viết cuối cùng.



Bảng chữ cái tiếng Hàn – 한글

1. Nguyên âm (모음)

NGUYÊN ÂM ĐƠN					
	a	ya	o	yo	ô
					
	yô	u	yu	i	ư
					
NGUYÊN ÂM KÉP	e	ye	ê	yê	oa
					
	uê	uê	uo	uy	uê
					
	ưi				

2. Phụ âm (자음)

PHỤ ÂM THƯỜNG					
	k	n	t	l	m
PHỤ ÂM CĂNG					
	b	s	ng	ch	h
PHỤ ÂM CẶNG					
	kk	tt	bb	ss	(ch)
PHỤ ÂM BẬT HƠI					
	kh	th	'p	'ch	

3. Phụ âm cuối (Patchim - 받침)

Phụ âm cuối (patchim) có 7 âm cơ bản ㄱ, ㄴ, ㄷ, ㄹ, ㅁ, ㅂ, ㅇ (ng). Về cơ bản, các patchim còn lại được đọc theo 7 âm cơ bản tương ứng như sau:

PATCHIM ĐƠN	PATCHIM ĐÔI	CÁCH ĐỌC
ㄱ, ㅋ, ㆁ	ㄱㅅ, ㄴㅅ	c
ㄴ	ㄴㅇ, ㄴㅈ	n
ㄷ, ㅌ, ㅊ, ㅌ, ㅌ, ㅌ, ㅌ, ㅌ		t
ㄹ	ㄹㅅ, ㄹㅈ, ㄹㅌ, ㄹㅇ	l
ㅁ	ㅁㅅ	m
ㅂ, ㅍ	ㅂㅌ, ㅍㅅ	p
ㅇ		ng

CHÚ Ý

Cách gõ tiếng Hàn trên máy tính

1. Vị trí chữ cái tiếng Hàn trên bàn phím:



2. Các phím tiếng Hàn trên bàn phím

- Đối với các phụ âm căng như ㄱ, ㅋ, ㆁ, ㄷ, ㅌ, ㄴ thì viết bằng cách giữ phím Shift + phím phụ âm thường.

Ví dụ: Shift + R (phím R là phụ âm thường ㄹ) = ㄹ

- Đối với bàn phím bình thường thì phím Alt bên trái sẽ là phím chuyển ngôn ngữ từ tiếng Hàn sang tiếng Anh (như trên hình là giống với phím 한/영)

P H Ầ N
02

**Tập viết bảng
chữ cái**

알파벳 쓰기

Tập viết nguyên âm đơn - 단모음 쓰기

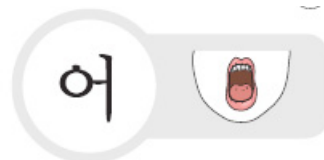
a ㅏ	ㅏ	ㅏ	ㅏ	ㅏ	ㅏ	ㅏ	ㅏ	ㅏ	ㅏ	ㅏ
ya ㅑ	ㅑ	ㅑ	ㅑ	ㅑ	ㅑ	ㅑ	ㅑ	ㅑ	ㅑ	ㅑ
o ㅗ	ㅗ	ㅗ	ㅗ	ㅗ	ㅗ	ㅗ	ㅗ	ㅗ	ㅗ	ㅗ
yo ㅛ	ㅛ	ㅛ	ㅛ	ㅛ	ㅛ	ㅛ	ㅛ	ㅛ	ㅛ	ㅛ
ô ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ

yô ㅛ	ㅛ	ㅛ	ㅛ	ㅛ	ㅛ	ㅛ	ㅛ	ㅛ	ㅛ	ㅛ
u ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ
yu ㅠ	ㅠ	ㅠ	ㅠ	ㅠ	ㅠ	ㅠ	ㅠ	ㅠ	ㅠ	ㅠ
ư ㅡ	ㅡ	ㅡ	ㅡ	ㅡ	ㅡ	ㅡ	ㅡ	ㅡ	ㅡ	ㅡ
i ㅣ	ㅣ	ㅣ	ㅣ	ㅣ	ㅣ	ㅣ	ㅣ	ㅣ	ㅣ	ㅣ

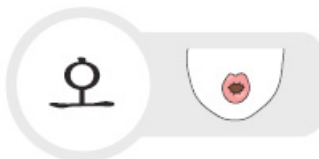
MỆO PHÁT ÂM

1. Các nguyên âm có cách phát âm khác nhau dựa theo độ mở của miệng như hình dưới đây.

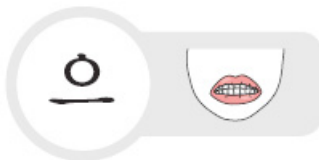
Miệng mở rộng



Miệng tròn



Miệng dẹt



2. Từ 4 nguyên âm cơ bản: ㅏ, ㅑ, ㅓ, ㅕ nếu kết hợp thêm ㅣ sẽ tạo ra các nguyên âm ㅗ, ㅛ, ㅜ, ㅠ.

ㅣ	+	ㅏ	⇒	ㅗ
[y]		[a]		[ya]

ㅣ	+	ㅑ	⇒	ㅛ
[y]		[o]		[yo]

ㅣ	+	ㅓ	⇒	ㅜ
[y]		[ô]		[yô]

ㅣ	+	ㅕ	⇒	ㅠ
[y]		[u]		[yu]

Tập viết nguyên âm kép - 이중모음 쓰기

e ㅜ	ㅣ	ㅑ	ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ	ㅜ
ye ㅠ	ㅣ	ㅑ	ㅑ	ㅠ	ㅠ	ㅠ	ㅠ	ㅠ	ㅠ	ㅠ
ê ㅝ	-	ㅑ	ㅝ	ㅝ	ㅝ	ㅝ	ㅝ	ㅝ	ㅝ	ㅝ
yê ㅞ	-	=	ㅑ	ㅞ	ㅞ	ㅞ	ㅞ	ㅞ	ㅞ	ㅞ
oa ㅟ	ㅣ	ㅑ	ㅟ	ㅟ	ㅟ	ㅟ	ㅟ	ㅟ	ㅟ	ㅟ

uê	ㅛ	ㅜ	ㅝ	ㅞ	ㅟ	ㅠ	ㅡ	ㅢ	ㅣ	ㅤ
ㅞ										
uê	ㅛ	ㅜ	ㅝ	ㅞ	ㅟ	ㅠ	ㅡ	ㅢ	ㅣ	ㅤ
ㅟ										
uo	ㅡ	ㅏ	ㅑ	ㅓ	ㅕ	ㅗ	ㅛ	ㅝ	ㅟ	ㅠ
ㅓ										
uê	ㅡ	ㅏ	ㅑ	ㅓ	ㅕ	ㅗ	ㅛ	ㅝ	ㅟ	ㅠ
ㅕ										
uy	ㅡ	ㅏ	ㅑ	ㅓ	ㅕ	ㅗ	ㅛ	ㅝ	ㅟ	ㅠ
ㅓ										
ưi	ㅡ	ㅏ	ㅑ	ㅓ	ㅕ	ㅗ	ㅛ	ㅝ	ㅟ	ㅠ
ㅓ										

MẸO PHÁT ÂM

1. Nguyên âm kép là các nguyên âm được tạo thành bởi việc kết hợp các nguyên âm đơn:

ㅏ + ㅣ ⇒ ㅞ	ㅓ + ㅣ ⇒ ㅚ	ㅓ + ㅏ ⇒ ㅑ
[a] [i] [e]	[o] [i] [ê]	[ô] [a] [oa]

2. Trong thực tế, cách phát âm của nguyên âm ㅞ và ㅚ hầu như không có sự khác biệt nên để nhận biết nguyên âm đúng có thể hỏi bằng cách:

애는 아 이로 써요? “E” viết bằng “a”, “i” đúng không?
[e nưn a i rô sso yô↗]

예는 어 이로 써요? “Ê” viết bằng “o”, “i” đúng không?
[ê nưn ơ i rô sso yô↗]

Tương tự với nguyên âm ㅑ, ㅓ và ㅚ (cùng đọc là “uê”) để xác định đúng nguyên âm có thể hỏi lại bằng cách giống như trên:

왜는 오 애로 써요? “Uê” viết bằng “ô”, “e” đúng không?
[uê nưn ô e rô sso yô]

Bài tập 1

1. Bảng chữ cái Hangeul có bao nhiêu nguyên âm?

- a. 20 b. 22 c. 19 d. 21

2. Có bao nhiêu nguyên âm đơn?

- a. 9 b. 10 c. 11 d. 8

(Liệt kê các nguyên âm đơn:_____)

3. Có bao nhiêu nguyên âm kép?

- a. 12 b. 10 c. 9 d. 11

(Liệt kê các nguyên âm kép:_____)

4. Có bao nhiêu nguyên âm kết hợp với ㅣ [y] tạo thành nguyên âm mới.

- a. 3 b. 4 c. 5 d. 6

(Liệt kê các nguyên âm đó:_____)

5. Có bao nhiêu nguyên âm kết hợp với ㅗ [ô] tạo thành nguyên âm kép.

- a. 1 b. 2 c. 3 d. 4

(Liệt kê các nguyên âm đó:_____)

6. Có bao nhiêu nguyên âm kết hợp với ㅜ [u] tạo thành nguyên âm kép.

- a. 1 b. 2 c. 3 d. 4

(Liệt kê các nguyên âm đó:_____)

Tập viết phụ âm - 자음 쓰기

k ㄱ	ㄱ	ㄱ	ㄱ	ㄱ	ㄱ	ㄱ	ㄱ	ㄱ	ㄱ	ㄱ
n ㄴ	ㄴ	ㄴ	ㄴ	ㄴ	ㄴ	ㄴ	ㄴ	ㄴ	ㄴ	ㄴ
t ㄷ	ㄷ	ㄷ	ㄷ	ㄷ	ㄷ	ㄷ	ㄷ	ㄷ	ㄷ	ㄷ
r/l ㄹ	ㄹ	ㄹ	ㄹ	ㄹ	ㄹ	ㄹ	ㄹ	ㄹ	ㄹ	ㄹ
m ㅁ	ㅁ	ㅁ	ㅁ	ㅁ	ㅁ	ㅁ	ㅁ	ㅁ	ㅁ	ㅁ

b ㅂ	ㅂ	ㅃ	ㅄ	ㅅ	ㅆ	ㅈ	ㅊ	ㅋ	ㆁ	ㄷ
s ㅅ	ㅅ	ㅆ	ㅆ	ㅆ	ㅆ	ㅆ	ㅆ	ㅆ	ㅆ	ㅆ
ng ㅇ	ㅇ	ㅇ	ㅇ	ㅇ	ㅇ	ㅇ	ㅇ	ㅇ	ㅇ	ㅇ
ch ㅈ	ㅈ	ㅊ	ㅊ	ㅊ	ㅊ	ㅊ	ㅊ	ㅊ	ㅊ	ㅊ
'ch ㅊ	ㅊ	ㅊ	ㅊ	ㅊ	ㅊ	ㅊ	ㅊ	ㅊ	ㅊ	ㅊ
kh ㅋ	ㅋ	ㅋ	ㅋ	ㅋ	ㅋ	ㅋ	ㅋ	ㅋ	ㅋ	ㅋ

th ㅈ	一	=	ㅈ	ㅈ	ㅈ	ㅈ	ㅈ	ㅈ	ㅈ	ㅈ
'p ㅊ	一	ㄴ	ㅊ	ㅊ	ㅊ	ㅊ	ㅊ	ㅊ	ㅊ	ㅊ
h ㅎ	一	=	ㅎ	ㅎ	ㅎ	ㅎ	ㅎ	ㅎ	ㅎ	ㅎ
kk ㄱ	ㄱ	ㄱ	ㄱ	ㄱ	ㄱ	ㄱ	ㄱ	ㄱ	ㄱ	ㄱ
tt ㄷ	一	ㄷ	ㄷ	ㄷ	ㄷ	ㄷ	ㄷ	ㄷ	ㄷ	ㄷ
bb ㅂ	ㅂ	ㅂ	ㅂ	ㅂ	ㅂ	ㅂ	ㅂ	ㅂ	ㅂ	ㅂ

ss	ノ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ
ㄣ										
(ch)	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ
ㄣ										

CHÚ Ý

1. Dựa theo lượng không khí thoát ra khi phát âm phụ âm mà chia phụ âm thành: Phụ âm căng (**경음**) được phát âm với cơ lưỡi căng, có ít không khí được đẩy ra nhất. Phụ âm bật hơi (**유기음**) được phát âm bằng cách bật mạnh, có nhiều không khí được đẩy ra nhất. Phụ âm nhẹ (**평음**) có lượng không khí được đẩy ra không quá nhiều và không quá ít.

Phụ âm nhẹ	Phụ âm căng	Phụ âm bật hơi
ㄱ (k)	ㄲ (kk)	ㅋ (kh)
ㄷ (t)	ㄸ (tt)	ㅌ (th)
ㅂ (b)	ㅃ (bb)	ㅍ (p)
ㅅ (s)	ㅆ (ss)	
ㅈ (ch)	ㅉ ('ch)	ㅊ ((ch))

2. “ㅇ” được gọi là phụ âm câm. Nếu “ㅇ” ở vị trí phụ âm đầu thì không được phát âm, nếu “ㅇ” ở vị trí patchim thì được phát âm là “ng”.

이 [i]

요 [yô]

워 [uo]

궁 [kung]

황 [hoang]

3. “ㄹ” ở vị trí phụ âm đầu thì được phát âm là “r”, nếu “ㄹ” ở vị trí patchim thì được phát âm là “l”. (Trong một số trường hợp biến âm “ㄹ” ở vị trí phụ âm đầu có thể được phát âm là “l”. Tham khảo “Quy tắc phát âm tiếng Hàn”)

로 [rô]

라면 [ra myon]

롤 [rôl]

물 [mul]

잘 [chal]